

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày: 06/4/2021.

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé Em
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm C khai theo thủ tục thông thường vụ án hình sự thụ lý số: 334/2020/TLST-DS ngày 08/12/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 11A, xã Đông Hưng B, huyện An M , tỉnh Kiên G .

Bị đơn: Ông **Tống Văn C** - sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 334/5/1A Nguyễn Trung T , Khu phố 4, phường Vĩnh L , Rạch G , Kiên G

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:** Qua C việc làm ăn tôi có quen biết với ông Công. Vào khoảng tháng 5/2020 tôi và ông C có thỏa thuận với nhau tôi cung cấp cừ tràm cho ông C để ông C về giao lại cho C trình đường Hành Lang Ven Biển Đề Quốc Phòng (Đoạn từ cống Thầy Xếp cầu Thần Nông, cống Tà Manh, Tà Hem). Vì ông C mua cừ tràm số lượng lớn nên tôi có yêu cầu ông C phải đặt cọc trước cho tôi số tiền 100.000.000 đồng, ông C đồng ý và hứa giao cừ tràm chuyển nào thanh toán chuyển đó.

Sau khi tôi giao cừ tràm xong nhiều đợt nhưng ông C không thực hiện lời hứa mà viết biên nhận chốt lại số cừ tràm tôi đã giao từ ngày 01/5/2020 đến ngày 17/6/2020.

Đến ngày 4/8/2020 tôi và ông C tính số trừ tiền đặt cọc, ông C làm biên bản xác nhận C nợ tính đến ngày 4/7/2020 tổng số tiền nợ mua cừ tràm là 565.748.000 đồng trừ tiền đặt cọc mua cừ tràm 100.000.000 đồng, ông C mượn tôi thêm 30.000.000 đồng. Tổng cộng ông C còn nợ tôi số tiền là 495.748.000 đồng, ông hứa 10 ngày sau sẽ thanh toán dứt điểm.

Nay tôi yêu cầu ông C phải trả cho tôi số tiền gốc còn nợ là 495.748.000 đồng, đồng thời ông C phải trả lãi suất cho tôi theo quy định của Ngân hàng nhà nước, lãi suất là 1,5%/tháng tính từ ngày 17/6/2020 cho đến nay.

* Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Tống Văn C phải trả cho bà T số tiền gốc là 495.748.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* **Bị đơn ông Tống Văn Công:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bỏ phiên ông Tống Văn C vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc mua bán cừ tràm. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán”. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá. Đối với bị đơn ông Tống Văn C Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Tống Văn C nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Tống Văn C có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua cừ tràm còn nợ là 495.748.000 đồng. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định: Vào ngày 01/5/2020 đến ngày 17/6/2020 ông C có mua cừ tràm của bà T nhiều lần để về bán lại cho các C trình xây dựng. Việc mua bán giữa bà T và ông C không có xác lập hợp đồng bằng văn bản chỉ thỏa thuận miệng là giao hàng chuyển nào thì thanh toán dứt điểm chuyển đó. Tuy nhiên trong quá trình mua bán, ông C không thực hiện đúng lời hứa như đã thỏa thuận nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C phải trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 495.748.000 đồng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Tống Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp lời khai, ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T. Như vậy, ông Tống Văn C đã không tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh đối với yêu cầu của bà T. Do đó, ông Tống Văn C phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ Luật dân sự năm 2015 thì: “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”.

Căn cứ theo biên bản xác nhận C nợ ngày 4/8/2020 và giấy đối chiếu bán hàng ngày 4/7/2020 có chữ ký của phía bị đơn xác định tổng số tiền còn nợ là 495.748.000 đồng (Trong đó tiền mua cù tràm là 465.748.000 đồng, tiền mượn là 30.000.000 đồng), đồng thời ông C đã cam kết sau 10 ngày, tức kể từ ngày 4/8/2020 đến ngày 14/8/2020 sẽ thanh toán dứt điểm số tiền 495.748.000 đồng cho bà T. Tuy nhiên sau ngày 14/8/2020 ông C vẫn không thanh toán tiền cho bà T nên vào ngày 11/9/2020 ông C lại cam kết sẽ trả số tiền trên trong thời gian từ ngày 11/9/2020 đến ngày 25/9/2020 là dứt điểm. Nhưng cho đến nay ông C vẫn không thanh toán tiền cho bà T làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T vì vậy, bà T yêu cầu ông C có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ 495.748.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Tại phiên tòa nguyên đơn bà T không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Tống Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 23.829.920 đồng {20.000.000 đồng + (95.748.000 đồng x 4%)}

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 147, Điều 244, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Tống Văn C về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

2. Buộc ông Tống Văn C phải trả bà Nguyễn Thị T số tiền 495.748.000 đồng. (Bốn trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền cần phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Ông Tống Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch 23.829.920 đồng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 12.510.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008663 ngày 30/11/2020 của Chi cục thi hành án thành phố Rạch Giá.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thanh Loan

